

Số: 63/2020/QĐST-HNGĐ

Bắc Giang, ngày 12 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 80/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

1. Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1985;

HKTT: Số nhà 46C, ngõ 190, tổ 2A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987;

HKTT Số nhà 46C, ngõ 190, tổ 2A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang
Chỗ ở hiện nay: Xóm B, thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Đỗ Văn D và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 25/5/2018 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B. Sau khi kết hôn hai người chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống dẫn đến va chạm và mất lòng tin đối với nhau. Mặc dù hai người đã cố gắng tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả, nên đã sống ly thân mỗi người một nơi. Do vậy, cả anh D và chị H đều làm đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh D và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh D và chị H có một con chung là Đỗ Gia H, sinh ngày 15/12/2018. Giữa anh D và chị H thỏa thuận sau khi ly hôn anh D trực tiếp nuôi

dưỡng con chung là Đỗ Gia H Về cấp dưỡng nuôi con chung anh D và chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung: Anh Đ và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Giữa anh D và chị H thống nhất thoả thuận để anh D chịu cả số tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn D và chị Nguyễn Thị H.

1.1. **Về con chung:** Anh Đỗ Văn D trực tiếp nuôi cháu Đỗ Gia H, sinh ngày 15/12/2018. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp ở với mình theo quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Văn D nhận chịu cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2016/0000895 ngày 28/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận anh D đã nộp xong lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP B;
- VKSNDTP B;
- UBND phường T, TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trần Kiên